

TỔNG CÔNG TY TÂN CẢNG SÀI GÒN  
SAIGON NEWPORT CORPORATION  
CÔNG TY TNHH CẢNG CONTAINER  
QUỐC TẾ TÂN CẢNG HẢI PHÒNG  
TAN CANG HAI PHONG INTERNATIONAL  
CONTAINER TERMINAL CO., LTD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence – Freedom – Happiness

Số/ No.: 1297/TM-HICT

Cát Hải, ngày 03 tháng 09 năm 2025  
CatHai, dated 03/09/2025

**THƯ MỜI CHÀO GIÁ**  
**REQUEST FOR QUOTATIONAL LETTER**

Về việc Mời chào giá thiết bị Hệ thống Tủ đĩa phục vụ sản xuất + SAN Switch cho  
TC-HICT/*Regarding the Request for Quotation for Disk Storage Equipment System  
for production + SAN Switch for TC-HICT*

Kính gửi/ *Respectfully to:* Quý Công ty/ Đơn vị cung cấp/ *Company/unit supply*

Nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng (TC-HICT) có kế hoạch mua sắm thiết bị Hệ thống Tủ đĩa phục vụ sản xuất + SAN Switch, cụ thể như sau/*Aiming to support our business operations, Tan Cang Hai Phong International Container Terminal Co., Ltd (TC-HICT) plans to purchase Disk Storage Equipment System for production + SAN Switch, specifically as follows:*

1. Tên hạng mục/*Item Name:* Mua sắm : thiết bị Hệ thống Tủ đĩa phục vụ sản xuất + SAN Switch / *Purchase Disk Storage Equipment System for production + SAN Switch.*

2. Chủ đầu tư/ *Investor:* Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng/*Tan Cang Hai Phong International Container Terminal Co., Ltd.*

3. Địa điểm thực hiện/*Implementation Location:* Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng - Đặc khu Cát Hải, Thành phố Hải Phòng/*Tan Cang Hai Phong International Container Terminal Co., Ltd - Cat Hai Special Zone, Hai Phong City.*

4. Yêu cầu chi tiết/ *Detailed requirements:* Phụ lục kèm theo/ *Attached appendix*

5. Yêu cầu chào giá/ *Request for Quotation:*

- Đồng tiền chào giá: Đồng tiền Việt Nam (VND)/*Quotation Currency: Vietnamese Dong (VND).*
- Giá chào: Bao gồm giá và phí cho tất cả các loại thuế phí, chi phí cài đặt, cấu hình, chạy thử, chuyển đổi dữ liệu và các chi phí dịch vụ liên quan khác/



*Quotation Price: Includes price and fees for all taxes, installation, configuration, testing, data conversion, and other related service costs.*

- Thời gian cung cấp: Đề nghị tính toán đảm bảo thời gian cung cấp thiết bị, lắp đặt, nghiệm thu và bàn giao không quá 12 tuần/*It is recommended to calculate to ensure that the time for fire wall supply, installation, acceptance and handover is no more than 12 weeks.*
- Thời gian bảo hành: Bảo hành tối thiểu 36 tháng kể từ ngày bàn giao, nghiệm thu đưa vào sử dụng/*Warranty period: Minimum 36 months warranty from the date of handover, acceptance and put the work in use.*
- Hiệu lực chào giá: 90 ngày kể từ ngày hết hạn chào giá/*Quotation Validity: 90 days from the quotation deadline.*
- Hạn nhận thư báo giá: Hạn cuối cùng là 14h00 ngày 11 / 9 /2025/ *Deadline for receiving quotation letters: Deadline is 14.00 p.m.11 / 9 /2025*
- Thư báo giá xin gửi về địa chỉ sau/ *Please send quotation letter to the following address:*
  - + Phòng Kỹ thuật- Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng/*Technical Department - Tan Cang Hai Phong International Container Terminal Co., Ltd.*
  - + Địa chỉ: Khu Đôn Lương, Đặc khu Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam/*Address: Don Luong Area, Cat Hai Special Zone, Hai Phong City, Vietnam.*
  - + Số điện thoại: 0225.3765499- Máy nhánh: 4111/*Phone number: 0225.3765499- Ext: 4111.*

Trân trọng kính chào./.

Thanks and best regards./✓

*Nơi nhận/ Recipients:*

- Như trên/*As above;*
- Lưu/ *Save: VT, KT.Q03.*

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**GENERAL DIRECTOR**



**Chao, Ta-Chung**

**PHỤ LỤC 1: YÊU CẦU THIẾT BỊ TỦ ĐĨA & SAN SWITCH**  
**APPENDIX 1: REQUIREMENTS FOR DISK STORAGE & SAN SWITCH DEVICES**

(Kèm theo thư mời chào giá số 1297/TM-HICT ngày 03/09/2025/  
Attached with request for quotationnal letter No. 1297/TM-HICT dated 03/09/2025)

| Stt/<br>No. | Hạng mục/ Items                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Đơn vị<br>tính/<br>Unit | Số<br>lượng/<br>Q'ty |
|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------|
| 1           | <b>Thiết bị tủ đĩa dùng cho Sản xuất/Disk Storage Equipment for production</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <b>Bộ/Set</b>           | <b>01</b>            |
|             | <p><b>- Điều khiển/Control:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 02 Controller/Director Active - Active, All NVMe hoặc tương đương. Hỗ trợ mở rộng thành cluster với <math>\geq 04</math> Controller/<br/> <i>02 Controller/Director Active - Active, All NVMe or equivalent. Support expanding into cluster with <math>\geq 04</math> Controllers.</i></li> <li>+ Bộ nhớ trong (cache Built-in) <math>\geq 128</math> GB cho mỗi controller.<br/> <i>Built-in cache <math>\geq 128</math> GB for each controller.</i></li> </ul> <p><b>- Hiệu suất/ Performance</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ IOPS: <math>\geq 4</math> millions (với 02 controller)</li> <li>+ Latency: <math>\leq 1</math>ms</li> </ul> <p><b>- Dung lượng/ Storage</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Có sẵn 20 x 7.6TB NVMe SSD hoặc 100TiB NVMe SSD khả dụng sau RAID6 (Hoặc distributed RAID6)<br/> <i>20 x 7.6TB NVMe SSD or 100TiB NVMe SSD available behind RAID6 (Or distributed RAID6)</i></li> <li>+ Các loại đĩa hỗ trợ: 1,9 TB, 3.8 TB, 7.6 TB, 15 TB NVMe SSD hoặc cao hơn<br/> <i>Supported disk types: 1.9 TB, 3.8 TB, 7.6 TB, 15 TB NVMe SSD or higher</i></li> </ul> <p><b>- An toàn và Bảo mật/ Safety and Security</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Có sẵn tính năng Encryption, TLS 1.3, RoT, FIPS 140-3<br/> <i>Encryption, TLS 1.3, RoT, FIPS 140-3 available</i></li> <li>+ Giải pháp chào giá sử dụng RAID6, Distributed RAID hoặc tương đương<br/> <i>Quotation solution using RAID6, Distributed RAID or equivalent</i></li> <li>+ <math>\geq 99.9999\%</math> data availability</li> </ul> <p><b>- Network</b></p> |                         |                      |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |        |    |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|----|
|   | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lắp sẵn 08 x 32 Gb FC port<br/><i>Pre-installed 08 x 32 Gb FC port</i></li> <li>+ Số lượng cổng kết nối hỗ trợ: <math>\geq 32</math> cổng FC hoặc FC-NVMe, hoặc <math>\geq 16</math> cổng iSCSI 10Gb hoặc 25Gb, hoặc <math>\geq 8</math> cổng 100Gb TCP<br/><i>Number of supported connection ports: <math>\geq 32</math> FC or FC-NVMe ports, or <math>\geq 16</math> 10Gb or 25Gb iSCSI ports, or <math>\geq 8</math> 100Gb TCP ports</i></li> </ul> <p><b>- Hệ điều hành/ <i>Operating Systems</i>:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Windows, Linux, VMware</li> </ul> <p><b>- Công nghệ/ <i>Technology</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Active/Active, Multi-Controller</li> <li>+ Machine learning &amp; AI software bundling support monitor performance of Data Center</li> <li>+ Sẵn có Compression / Deduplication</li> <li>+ Hỗ trợ tính năng bảo vệ dữ liệu phòng chống ransomware (Ransomware Protection)/ <i>Supports data protection feature against ransomware (Ransomware Protection).</i></li> <li>+ Data at Rest Encryption, Root of Trust hoặc tính năng tương đương.</li> <li>+ Cho phép nâng cấp thành giải pháp lưu trữ đa dụng (Unified) với tính năng lưu trữ NAS và Object Storage hoặc kết hợp với giải pháp của chính hãng sản xuất thiết bị để có thể cung cấp giải pháp tương tự<br/><i>Allows upgrading to a unified storage solution with NAS and Object Storage features or combining with the device manufacturer's own solution to provide a similar solution</i></li> <li>+ Active-Active Storage Cluster, support RTO = RPO = Zero</li> <li>+ Support capability replicate data to the storage with different vendors</li> </ul> <p><b>- Bảo hành/ <i>Warranty</i>: 3 years.</b></p> |        |    |
| 2 | <p><b>Thiết bị SAN Switch/ <i>SAN Switch Equipment</i></b></p> <p><b>- Số lượng cổng có sẵn/ <i>Number of ports available</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 48 cổng FC tốc độ 64Gbps - lắp sẵn 48 transiver 32Gb SFP28 SW (Đủ license cho 48 cổng<br/><i>48 FC ports with 64Gbps speed - pre-installed 48 32Gb SFP28 SW transivers (Enough licenses for 48 ports/</i></li> <li>+ Khả năng mở rộng tối đa <math>\geq 64</math> cổng<br/><i>Maximum expansion capacity <math>\geq 64</math> ports</i></li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Bộ/Set | 02 |

436  
CÔNG TY  
CƠ KHU  
HÀNG  
YÊN  
PHÒNG  
TP



PHỤ LỤC 2: BẢNG CHÀO GIÁ HÀNG HÓA / APPENDIX 2: GOODS QUOTATION

| STT<br>No. | Danh mục hàng hóa/<br>List of goods                                                                                                        | Đơn vị<br>Unit  | Số lượng/<br>Khối<br>lượng<br>Quantity | Xuất xứ, ký mã hiệu,<br>thông số kỹ thuật của<br>sản phẩm/Origin,<br>marking, specifications<br>of goods | Đơn giá/<br>Unit<br>price | Thành tiền/<br>Total | Thuế<br>VAT | Tổng tiền/<br>Total<br>amount |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------|-------------|-------------------------------|
| (1)        | (2)                                                                                                                                        | (3)             | (4)                                    | (5)                                                                                                      | (6)                       | (7)                  | (8)         | (9)=(7)+(8)                   |
| 1          | Thiết bị tủ đĩa dùng cho Sản<br>xuất/Disk Storage Equipment for<br>production                                                              | Bộ/ Set         | 01                                     |                                                                                                          |                           |                      |             |                               |
| 2          | Thiết bị SAN Switch/ SAN Switch<br>Equipment                                                                                               | Bộ/ Set         | 02                                     |                                                                                                          |                           |                      |             |                               |
| 3          | Dịch vụ triển khai/ Deployment<br>Services                                                                                                 | Gói/<br>Package | 01                                     |                                                                                                          |                           |                      |             |                               |
|            | Tổng cộng giá chào của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) / Total offer price of goods including taxes, fees, charges (if any) |                 |                                        |                                                                                                          |                           |                      |             |                               |

ĐẠI DIỆN CÔNG TY